

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và người đại diện vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 7/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và người đại diện vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ.

Mục I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác có vốn góp của chủ sở hữu; không áp dụng cho các chức danh làm việc theo chế độ hợp đồng kinh tế (hợp đồng lao động, hợp đồng ủy quyền).

Đối với Kiểm soát viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có đặc thù riêng (Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán) thì thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật đặc thù.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Kiểm soát viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Người đại diện theo ủy quyền được các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cử làm đại diện vốn nhà nước tại các doanh nghiệp khác.

3. Cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu bao gồm các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là công ty TNHH MTV) bao gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ - Tổng công ty, Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con, Công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Doanh nghiệp khác là các công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của chủ sở hữu.

4. Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Kiểm soát viên) là cá nhân do chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, việc chấp hành các quy định của chủ sở hữu, của pháp luật tại các đơn vị trực thuộc.

5. Người đại diện theo ủy quyền: là công chức thuộc cơ quan quản lý nhà nước (Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp) được chủ sở hữu phần vốn nhà nước ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi là Người đại diện).

6. Người đại diện theo hợp đồng: là cá nhân được chủ sở hữu phần vốn nhà nước ký hợp đồng để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi là Người đại diện theo hợp đồng).

Mục II

TRÍCH LẬP, QUẢN LÝ QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thành lập quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước

Chủ sở hữu (Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) thành lập và phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước. Quỹ này do các đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ quản lý ngành, Cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương quản lý và mở tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước để tiếp nhận tiền lương, thù lao, tiền thưởng của kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước.

Điều 5. Trích lập quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Quý I hàng năm, căn cứ chế độ quy định, doanh nghiệp xác định số tiền lương, thù lao theo kế hoạch phải trả cho Kiểm soát viên; đối với người đại diện vốn nhà nước thì căn cứ vào nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, để làm cơ sở trích vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trường hợp nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp có sau quý I thì doanh nghiệp tạm xác định số tiền lương, thù lao phải trả cho người đại diện vốn nhà nước để trích vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bằng mức kế hoạch của năm trước liền kề, sau khi có nghị quyết đại hội cổ đông thì doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh số tiền lương, thù lao theo kế hoạch phải trả cho người đại diện vốn nhà nước theo nghị quyết đại hội cổ đông.

2. Trước ngày 15 tháng đầu của từng quý, doanh nghiệp thực hiện chuyển số tiền lương, thù lao theo quý về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước do Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý.

3. Cuối năm khi có quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước, doanh nghiệp thực hiện trích bổ sung vào chi phí để có nguồn bổ sung chuyển về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước đối với trường hợp số quyết toán cao hơn số tạm trích. Trường hợp số tạm trích cao hơn số quyết toán thì doanh nghiệp thực hiện hạch toán giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khoản chênh lệch giữa số tạm trích đầu năm và số quyết toán, đồng thời doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo để chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) biết và chuyển trả lại khoản chênh lệch.

4. Tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp khác quyết định chi thưởng cho kiểm soát viên, người đại diện cùng thời điểm với quyết định chi thưởng cho viên chức quản lý, cán bộ công nhân viên của công ty và thực hiện chuyển tiền thưởng phải trả cho Kiểm soát viên, người đại diện về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước).

Điều 6. Quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước

1. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước được theo dõi tại tài khoản riêng ở kho bạc nhà nước do đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ quản lý ngành, Cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm chủ tài khoản (có tên chủ tài khoản, số tài khoản tại kho bạc nhà nước, mã số đơn vị quan hệ với ngân sách). Người đứng tên chủ tài khoản là thủ

trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền theo quy định, đồng thời cử cán bộ phụ trách kế toán để theo dõi tài khoản quỹ.

2. Các đơn vị làm chủ tài khoản quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý, sử dụng; mở sổ sách kế toán để theo dõi các phát sinh liên quan đến tài khoản của quỹ, định kỳ hàng quý có đối chiếu số phát sinh, số dư với kho bạc nhà nước.

3. Cuối kỳ kế toán, các đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ quản lý ngành, Cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước theo quy định, báo cáo chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước

1. Căn cứ kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ Kiểm soát viên và người đại diện của Chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước); căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả, hiệu quả làm việc của Kiểm soát viên và người đại diện, chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) quyết định mức chi trả tiền lương, thù lao cho Kiểm soát viên, người đại diện. Hàng tháng, Kiểm soát viên và người đại diện được chi trả 80% của số tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm chia 12 tháng; số còn lại (theo số quyết toán lương của doanh nghiệp) được chi trả vào cuối năm trên cơ sở mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao do chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) đánh giá, cụ thể như sau:

a) Kiểm soát viên và người đại diện được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên sẽ được chi trả phần tiền lương, thù lao còn lại.

b) Kiểm soát viên, người đại diện bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ sẽ không được chi trả phần tiền lương, thù lao còn lại.

2. Thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách, người đại diện vốn không chuyên trách được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách, người đại diện vốn chuyên trách. Trường hợp người được cử tham gia Kiểm soát viên không chuyên trách, người đại diện vốn không chuyên trách tại nhiều công ty TNHH MTV, doanh nghiệp khác thì mức chi tối đa không được vượt quá 50% mức tiền lương thực tế đang hưởng tại cơ quan, đơn vị cử Kiểm soát viên, người đại diện.

Trường hợp 50% mức tiền lương thực tế của Kiểm soát viên, người đại diện đang hưởng tại cơ quan, đơn vị cử Kiểm soát viên, người đại diện thấp hơn 20% tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách, người đại diện vốn chuyên trách thì cơ quan, đơn vị cử Kiểm soát viên, người đại diện quyết định mức chi thù lao cho Kiểm soát viên không chuyên trách, người đại diện vốn không chuyên trách theo mức không chế không vượt quá 20% tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách tại công ty TNHH MTV, người đại diện vốn chuyên trách ở doanh nghiệp khác.

Trường hợp công ty không có Kiểm soát viên chuyên trách thì thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách được tính tương ứng không quá 20% tiền lương của Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc. Trường hợp công ty không có người đại diện chuyên trách thì thù lao của người đại diện không chuyên trách được tính tương ứng không quá 20% mức lương của người giữ chức vụ tương đương với người đại diện tại doanh nghiệp đó.

3. Hàng năm, căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, chủ sở hữu quyết định chi thưởng cho Kiểm soát viên, người đại diện tối đa không quá 90% mức tiền thưởng mà Kiểm soát viên, người đại diện được hưởng. Phần còn lại, sẽ được chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của cả nhiệm kỳ của Kiểm soát viên, người đại diện.

Trường hợp chưa kết thúc nhiệm kỳ nhưng Kiểm soát viên, người đại diện không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ do được điều động làm công tác khác hoặc nghỉ hưu, nghỉ chế độ thì chủ sở hữu xem xét, quyết định mức chi trả cụ thể đối với phần tiền thưởng còn lại (10%) của khoảng thời gian tham gia làm Kiểm soát viên, người đại diện.

4. Cuối năm, Chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) quyết định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên, người đại diện để làm căn cứ chi trả (phần còn lại) tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên, người đại diện. Số dư quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước còn dư được chuyển năm sau để sử dụng tiếp.

5. Cuối quý 1 của năm sau, Chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) công khai kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên, người đại diện; quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước; mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng, năm (năm trước liền kề) của Kiểm soát viên, người đại diện trên trang thông tin điện tử của cơ quan chủ sở hữu hoặc Bộ Tài chính (đối với Kiểm soát viên tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước) và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp theo dõi.

Mục III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2014. Các quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

a) Các quy định trước đây của các cơ quan về chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

b) Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu có cử Kiểm soát viên, người đại diện vốn doanh nghiệp tại các công ty thành viên thì căn cứ vào quy định tại Thông tư này để xây dựng quy chế quy định việc trích nộp, quản lý, chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Kiểm soát viên và người đại diện do công ty cử.

c) Đối với các trường hợp Chủ sở hữu đã cử cán bộ công chức làm Kiểm soát viên ở Công ty TNHH MTV; ủy quyền cho cán bộ công chức làm người đại diện chuyên trách ở doanh nghiệp khác trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì Chủ sở hữu soát xét lại đối tượng được cử:

- Nếu là cán bộ công chức của cơ quan Chủ sở hữu thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

- Nếu không còn là cán bộ công chức của cơ quan Chủ sở hữu thì thực hiện ký hợp đồng với Kiểm soát viên, người đại diện từ ngày 01/01/2014.

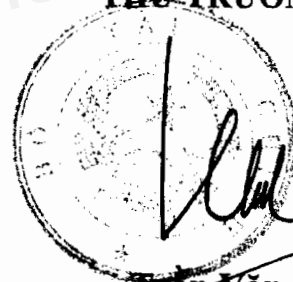
2. Đối với các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên, người đại diện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện trích lập và chi trả theo quy định của các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Số dư của quỹ đến 31/12/2013 được chuyển tiếp sang năm sau và thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận: *Mhm*

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDN (500).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu